

**UBND XÃ NHƠN TRẠCH
PHÒNG KINH TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54 /CV-KT

Nhon Trach, ngày 23 tháng 7 năm 2025

V/v đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử xã về hồ sơ giấy phép môi trường của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam.

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ NHƠN TRẠCH	
CÔNG	Số:.....15.....
VĂN	Ngày:.....23/7/2025.....
ĐẾN	Chuyên:.....

Kính gửi: Phòng Văn hóa – Xã hội xã Nhơn Trạch.

Ngày 14/07/2025, Phòng Kinh tế nhận được Văn bản số 38/CV/KV của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam về việc công khai thông tin môi trường của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam (sản xuất các cấu kiện thép và thép không gỉ, công suất 500 MT/năm; sản xuất các loại van công nghiệp, công suất 325 MT/năm; sản xuất máy xây dựng, máy đào hố, máy đào đường hầm, máy đào và lắp đặt đường ống, công suất 100 MT/năm; sản xuất với các loại cần trục, công suất 90 MT/năm).

Thực hiện quy định tại Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Phòng Kinh tế đề nghị Phòng Văn hóa – Xã hội xã Nhơn Trạch đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử xã về hồ sơ giấy phép môi trường của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam (sản xuất các cấu kiện thép và thép không gỉ, công suất 500 MT/năm; sản xuất các loại van công nghiệp, công suất 325 MT/năm; sản xuất máy xây dựng, máy đào hố, máy đào đường hầm, máy đào và lắp đặt đường ống, công suất 100 MT/năm; sản xuất với các loại cần trục, công suất 90 MT/năm), tại đường số 5, Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Giai đoạn 2, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng./.

(Đính kèm Văn bản số 38 CV/KV ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam và các hồ sơ liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng, Phó Phòng Kinh tế;
- Lưu VT (Ngân).



Lê Hoàng Duy Khương

THÔNG VĂN HỒI - XÃ HỘI	
CÔNG	Số:
VĂN	Ngày:
ĐƠN	Chức vụ:



Đã được phê duyệt

Số: 38 CV/KV
V/v: đề nghị công khai giấy phép môi trường
của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam

14/7/25.
Nhơn Trạch, ngày 14 tháng 07 năm 2025.

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHƠN TRẠCH

Chúng tôi là Công ty TNHH Kyowa Việt Nam chủ cơ sở “CÔNG TY TNHH KYOWA VIỆT NAM” thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo Điều 39, Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH-14.

Địa điểm thực hiện dự án: Đường số 5, KCN Nhơn Trạch 3, Giai đoạn 2, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật :

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| - Họ và tên: SHUHEI YAMAGUCHI | Quốc tịch: Nhật Bản |
| - Số hộ chiếu: TT7924761 | Nơi cấp: Nhật Bản |
| - Ngày cấp: 10/02/2025 | Ngày hết hạn: 10/02/2035 |

Theo quy định tại khoản 1 điều 102 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có quy định về việc công khai thông tin giấy phép môi trường.

Chúng tôi xin gửi công văn này và đính kèm Giấy phép môi trường số: 214/GPMT-UBND của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam cấp ngày 17 tháng 06 năm 2025 (bản photo) đến Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch.

Kính đề nghị Quý cơ quan hỗ trợ công khai giấy phép môi trường của dự án.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty

CÔNG TY TNHH KYOWA VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 23 tháng 06 năm 2025, tại Công ty TNHH Kyowa Việt Nam. Địa chỉ: Đường số 5, KCN Nhơn Trạch III, Giai Đoạn II, Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Người ủy quyền : SHUHEI YAMAGUCHI
Sinh ngày : 25/10/1990
Số hộ chiếu : TT7924761 Ngày cấp: 10/02/2025 Nơi cấp: Nhật Bản
Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Người được ủy quyền : NGÔ TẤN HƯNG
Sinh ngày : 20/09/1983
Số CCCD : 049083007957 Ngày cấp: 26/12/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ: 59/15A Đường 5, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.
Chức vụ : Giám Đốc

Tôi xin ủy quyền cho người có tên như trên được phép thay mặt tôi về việc:

- Tiếp đón các đoàn đại biểu, cơ quan đại diện pháp luật....
- Ký duyệt các chứng từ, báo cáo và phải bảo đảm tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ này.
- Thay mặt Công ty đàm phán, ký kết và quyết định về các hợp đồng lao động, hợp đồng thương mại, tài liệu, thư từ, các vấn đề liên quan đến công tác môi trường, phòng cháy chữa cháy, tranh chấp lao động, nghỉ việc, sa thải,
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật.

Thời gian ủy quyền có hiệu lực từ ngày 23 tháng 06 năm 2025 đến khi có quyết định thu hồi về việc ủy quyền này.

Nhơn Trạch, ngày 23 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



NGÔ TẤN HƯNG

NGƯỜI ỦY QUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



SHUHEI YAMAGUCHI

Số: 244 /GPMT-UBND

Nhon Trach, ngày 14 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 01/CV-KVN ngày 13 tháng 02 năm 2025, Văn bản số 02/CV-KVN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH Kyowa Việt Nam về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Công ty TNHH Kyowa Việt Nam" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 762/TTr-NNMT ngày 13 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH KYOWA Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “*Công ty TNHH Kyowa Việt Nam*”, địa chỉ tại đường số 5, Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Giai đoạn 2, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Kyowa Việt Nam (sản xuất các cấu kiện thép và thép không gỉ, công suất 500 MT/năm; sản xuất các loại van công nghiệp, công suất 325 MT/năm; sản xuất máy xây dựng, máy đào hố, máy đào đường hầm, máy đào và lắp đặt đường ống, công suất 100 MT/năm; sản xuất với các loại cần trục, công suất 90 MT/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: đường số 5, Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Giai đoạn 2, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3602352678 cấp đăng ký lần đầu ngày 22/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/10/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số cơ sở: 4338850341, chứng nhận lần đầu ngày 22/06/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 30/09/2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3602352678.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các cấu kiện thép và thép không gỉ; sản xuất các loại van công nghiệp; sản xuất máy xây dựng, máy đào hố, máy đào đường hầm, máy đào và lắp đặt đường ống; sản xuất với các loại cần trục.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích thực hiện cơ sở 30.000 m²

- Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

+ Công suất: Sản xuất cấu kiện thép và thép không gỉ với quy mô 500 MT/năm.

+ Quy trình sản xuất: Thiết kế → Chuẩn bị bản vẽ kỹ thuật, chuẩn bị nguyên liệu → Cắt nguyên liệu → Tạo hình → Kiểm tra → Sản phẩm.

+ Công suất: Sản xuất các loại cần trục với quy mô 90 MT/năm.

+ Quy trình sản xuất: Thiết kế → Chuẩn bị bản vẽ kỹ thuật, chuẩn bị nguyên liệu → Chọn và cắt nguyên liệu → Hàn → Làm sạch bề mặt → Sơn (gia công bên ngoài) → Kiểm tra → Sản phẩm.

+ Công suất: Sản xuất các loại van công nghiệp với quy mô 325 MT/năm.

+ Quy trình sản xuất: Thiết kế → Chuẩn bị bản vẽ kỹ thuật → Cắt nguyên liệu → Uốn, tạo hình → Gắn các bộ phận khác → Hàn → Kiểm tra → Bán thành phẩm → Lắp ráp → Kiểm tra áp lực, độ kín → Hoạt động thử nghiệm → Sơn (gia công bên ngoài) → Sản phẩm.

+ Công suất: Sản xuất máy xây dựng: máy đào hố, máy đào đường hầm, máy đào và lắp đặt đường ống với quy mô 100 MT/năm.

+ Quy trình sản xuất: Thiết kế → Chuẩn bị bản vẽ kỹ thuật → Chọn nguyên liệu → Cắt, tạo hình → Lắp ráp theo bản vẽ → Hàn → Làm sạch mối hàn → Sơn (gia công bên ngoài) → Kiểm tra chất lượng → Hoạt động thử nghiệm → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH KYOWA Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

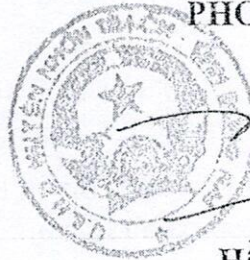
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Nhơn Trạch tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh, PCVP. HEND và UBND huyện;
- Phòng NNMT huyện (02 bản chính);
- Phòng VHKHTT huyện (công khai trên trang thông tin điện tử huyện);
- Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Lưu: VT, TH (Ti, S).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Tân

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 244 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Giai đoạn 2, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Hiện tại, Công ty TNHH KYOWA Việt Nam đã ký Hợp đồng số 08/HĐXLNT.NT3 ngày 21/03/2012 với Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Nhơn Trạch III về việc tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động cơ sở tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 đạt quy chuẩn môi trường cho phép theo quy định cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, áp dụng hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$.

Công ty không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng, nhà xưởng 1 và nhà bảo vệ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (có 02 bể tự hoại, 01 bể tự hoại thể tích $3m^3$ tại nhà bảo vệ, 01 bể tự hoại $9m^3$ tại nhà văn phòng, xưởng số 1) sau đó được dẫn ra hố ga đầu nối với Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 bằng đường ống HDPE $\varnothing 75$, $i = 0,3\%$, dài 300m.

- Nước thải sinh hoạt: nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà xưởng 2 (nguồn số 02) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (có 01 bể tự hoại thể tích $9m^3$) tại xưởng số 2 sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải, công suất $8 m^3/ngày.đêm$ sau đó sẽ đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của xưởng 1 và dẫn ra hố ga đầu nối với Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 bằng đường ống HDPE $\varnothing 75$, $i = 0,3\%$, dài 300m.

- Vị trí đầu nối: Tại 01 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trên đường số 5.

- Tọa độ: Tọa độ X = 1.184.406; Y = 410.828 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nổi nước thải tối đa: $8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Chế độ đầu nổi nước thải: liên tục.
- Phương thức đầu nổi: tự chảy (24/24 giờ).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (*văn phòng, nhà xưởng 1 và nhà bảo vệ*) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga thu gom nước thải chung → Hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 tại 01 vị trí trên đường số 05.

Nước thải sinh hoạt (*nhà xưởng 2*) → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể lọc Lamén → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 tại 01 vị trí trên đường số 05.

- Công suất thiết kế: $8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen

1.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, đầu nổi nước thải, ngừng hoạt động đối với các công đoạn phát sinh nước thải hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất tại nhà máy để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý;

- Vị trí điểm đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 tại 01 hồ ga đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 trên đường số 5.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời gian 3 - 6 tháng sau khi có Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 8 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Amoni (tính theo N), Coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của nước thải theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - Giai đoạn 2, không xả thải trực tiếp ra môi trường; phối hợp chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Giai đoạn 2 trong việc kê khai, giám sát khối lượng nước thải đầu nối; bảo đảm tổng khối lượng nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - giai đoạn 2 không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2 Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

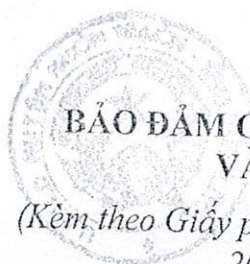
3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các đường ống thoát nước thải nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch III - Giai đoạn 2 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công

trình xử lý nước thải. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 13 sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 244/GPMT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của công đoạn cắt

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1184627; Y = 424623.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 44 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 2.980 kg/năm.

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Que hàn thải	07 04 01	Rắn	300	KS
2	Xi hàn thải	07 04 02	Rắn	120	NH
3	Phôi sắt từ quá trình gia công tạo hình nhiễm thành phần nguy hại	07 03 11	Rắn	500	KS
4	Son thải	08 01 01	Lỏng	5	NH
5	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	5	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	50	KS
7	Bao bì cứng thải	18 01 02	Rắn	800	KS
8	Giăng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	1.200	KS
TỔNG CỘNG				2.980	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 20.042 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Gỗ (pallet gỗ hỏng thải bỏ)	11 02 02	100	Rắn
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	150	Rắn
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	50	Rắn
4	Sắt thép phế liệu, ốc, long đền, dây hàn	-	18.194	Rắn
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 12	300	Rắn
6	Bùn từ bể tự hoại 3 ngăn	12 06 13	1.248	Rắn
TỔNG CỘNG			20.042	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 12.000 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	5.400
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	6.600
Tổng khối lượng		12.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì mềm, thùng, phuy, tank có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng cách biệt với các khu vực khác trong Công ty, theo đúng quy định, kết cấu có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Tổng diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, nền bê tông. Khu vực lưu chứa ở trong nhà xưởng số 1 (diện tích 10m²) và nhà xưởng số 2 (diện tích 10m²).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng đựng rác có dung tích 10 lít (khoảng 10 thùng) và loại 100-200 lít (khoảng 8 thùng), có nắp đậy kín. Ngoài ra, còn bố trí các thùng rác dung tích 25 lít, 40 lít, 60 lít bố trí tại các văn phòng, nhà xưởng để thu gom rác thải sinh hoạt, có nắp đậy được đặt ở bên ngoài nhà xưởng

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không bị động nước mưa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

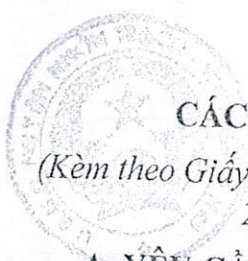
1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải, thực hiện thu gom, lưu giữ, phân loại, chuyển giao xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải dạng lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 411/GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

Phối hợp đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng, chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến đơn vị kinh doanh quản lý hạ tầng Khu công nghiệp, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.